TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 11/3/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Anh

Ông Nguyễn Sơn Hóa

- **Thư ký phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2024/TLST-DS ngày 25/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-DS ngày 13/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A (A);

Trụ sở: 442 N, phường x, quận y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến P - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị T - Giám đốc Xử lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 2118/UQ-QLN.23 ngày 13/11/2023).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị T1 (theo Giấy ủy quyền số 697/UQ-CNTL.25 ngày 05/3/2025) (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Đức Đ, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: số a, ngõ b đường L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP A (A) cấp thẻ tín dụng cho ông Phạm Đức Đ căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký ngày 22/01/2021, Bản các điều

khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của ACB và các văn bản khác ông Đ đã ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Cụ thể như sau: Số thẻ tín dụng: 4365 9990 00276448, cấp ngày 22/01/2021; loại thẻ: Visa Signature EMV (thẻ tín dụng quốc tế); hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 08/07/2025; Lãi suất (trong hạn, quá hạn): Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB, là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Đ đã chi tiêu số tiền là 1.940.033.962 đồng, tổng lãi là 17.491.900 đồng, phí là 5.752.761 đồng, đã thanh toán số tiền là 1.854.715.200 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 19/5/2023 Ngân hàng TMCP A đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán của thẻ tín dụng số 4365 9990 00276448.

Tính đến ngày 13/02/2025, ông Phạm Đức Đ nợ A các khoản sau: Vốn gốc là: 108.563.423 đồng, trong đó dư nợ không tính nợ quá hạn là 14.165.417 đồng, dư nợ tính lãi nợ quá hạn là 94.398.006 đồng; lãi qúa hạn là 73.378.283 đồng. Tổng cộng là 181.941.706 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Phạm Đức Đ phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/02/2025 là 181.941.706 đồng đồng, gồm: Vốn gốc là: 108.563.423 đồng, trong đó dư nợ không tính nợ quá hạn là 14.165.417 đồng, dư nợ tính lãi nợ quá hạn là 94.398.006 đồng; lãi qúa hạn là 73.378.283 đồng.

- Ông Phạm Đức Đ còn tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo mức quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB tính từ ngày 14/02/2025 đến ngày trả hết nợ.

* Theo bản tự khai, bị đơn là ông Phạm Đức Đ trình bày: Ngày 22/01/2021 Ngân hàng TMCP A (A) cấp thẻ tín dụng cho ông căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của ACB và các văn bản khác mà ông đã ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Cụ thể như sau: Số thẻ tín dụng: 4365 9990 00276448, cấp ngày 22/01/2021, loại thẻ: Visa Signature EMV (thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng, hiệu lực thẻ: 08/07/2025. Lãi suất (trong hạn, quá hạn): Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB, là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông đã chi tiêu số tiền là 1.940.033.962 đồng, tổng lãi là 17.491.900 đồng, phí là 5.752.761 đồng, đã thanh toán số tiền là 1.854.715.200 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 19/5/2023 Ngân hàng TMCP A đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán của thẻ tín dụng số 4365 9990 00276448. Nay Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án giải quyết buộc

ông phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/02/2025 là 181.941.706 đồng, gồm: Vốn gốc là: 108.563.423 đồng, trong đó dư nợ không tính nợ quá hạn là 14.165.417 đồng, dư nợ tính lãi nợ quá hạn là 94.398.006 đồng, lãi qúa hạn là 73.378.283 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi trả hết khoản nợ thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Do điều kiện công việc ông không thể đến Tòa án làm việc cũng như tham gia các phiên tòa xét xử vụ án nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa xét xử vụ án.

* Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Phạm Đức Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tính đến ngày 11/3/2025 là 184.955.977 đồng, gồm: Nợ gốc là 94.398.006 đồng, tiền lãi trong hạn và phí là 14.165.417 đồng, tiền lãi qúa hạn là 76.392.554 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi ông Đ trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, buộc ông Phạm Đức Đ phải trả số tiền nợ gốc là 94.398.006 đồng, tiền lãi trong hạn là 14.165.417 đồng và tiền lãi quá hạn đối với số tiền 94.398.006 đồng theo mức lãi suất quy định cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phạm Đức Đ, cư trú tại: số a, ngõ b đường L phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Bị đơn là ông Phạm Đức Đ không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Đức Đ.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 22/01/2021 ông Phạm Đức Đ ký với Ngân hàng TMCP A Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Ngày 22/01/2021 Ngân hàng TMCP A đồng ý đề nghị của ông Đ và phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho ông Đ với số thẻ tín dụng là 4365 9990 00276448, cấp ngày 22/01/2021, hiệu lực thẻ: 01/24; loại thẻ: Visa Signature EMV; hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng là Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A, có hiệu lực từ 31/8/2020.

Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016) nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc:

Theo Bảng sao kê tính lãi của Ngân hàng TMCP A thể hiện: sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Phạm Đức Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.940.033.962 đồng, tổng lãi là 17.491.900 đồng, phí là 5.752.761 đồng, ông Đ đã thanh toán được tổng số tiền là 1.854.715.200 đồng. Ông Đ phát sinh giao dịch thẻ cuối cùng vào ngày 24/12/2022, dư nợ đến thời điểm này là 94.398.006 đồng. Tại Điều 10 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A quy định: "*Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì A sẽ chuyển toàn bộ số dư sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo lãi suất do A quy định phù hợp với quy định của pháp luật từng thời điểm và cập nhật trên website của A. Sau khi chuyển nợ quá hạn, A có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ của Chủ thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của A để thu hồi nợ...*". Do vậy, Ngân hàng TMCP A chốt số tiền nợ gốc tính đến ngày 24/12/2024 là 94.398.006 đồng và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ từ ngày 19/5/2023. Xét thấy, cách tính nợ gốc của Ngân hàng TMCP A phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được chấp nhận, buộc ông Phạm Đức Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc là 94.398.006 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi trong hạn và phí: Đối với số tiền lãi trong hạn và phí phát sinh trong thời gian thẻ tín dụng còn hiệu lực từ sau ngày 24/12/2024 theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng là 14.165.417 đồng mà ông Phạm Đức Đ chưa trả. Căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước, điểm a khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của

Ngân hàng Nhà nước, Tòa án buộc ông Phạm Đức Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền lãi trong hạn và phí là 14.165.417 đồng.

[6] Về yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn: Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Phạm Đức Đ trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 19/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/3/2025 trên số tiền nợ gốc là 94.398.006 đồng. Cụ thể từ ngày 19/5/2023 đến ngày 14/7/2023 với lãi suất được áp dụng theo Quy định số 343/NVQĐ-TTT.20 ngày 28/9/2020 quy định biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do A phát hành là 27%/năm (phụ lục về biểu phí, lãi suất thẻ tín dụng cá nhân đối với thẻ tín dụng quốc tế Visa Signature, có hiệu lực từ ngày 15/4/2021), nên xác định số tiền lãi quá hạn là: 94.398.006 đồng x 27%/365 ngày x 150% x 56 ngày = 5.865.608 đồng. Từ ngày 14/7/2023 đến ngày 11/3/2025 với lãi suất được áp dụng theo Quy định số 343/NVQĐ-TTT.20 ngày 28/9/2020 quy định biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do A phát hành là 30%/năm (phụ lục về biểu phí, lãi suất thẻ tín dụng cá nhân đối với thẻ tín dụng quốc tế Visa Signature, có hiệu lực từ ngày 14/7/2023), nên xác định số tiền lãi quá hạn là: 94.398.006 đồng x 30%/365 ngày x 150% x 606 ngày = 70.526.946 đồng. Tổng cộng số tiền lãi quá hạn là 76.392.554 đồng.

Xét thấy, cách tính tiền lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP A phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Điều 10 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP A, nên được chấp nhận, Tòa án buộc ông Phạm Đức Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 11/3/2025 là 76.392.554 đồng.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, Ngân hàng TMCP A được trả lại số tiền 3.736.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, ông Phạm Đức Đ phải chịu 9.247.798 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về việc đòi ông Phạm Đức Đ trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký kết ngày 22/01/2021.

Buộc ông Phạm Đức Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tính đến ngày 11/3/2025 là 184.955.977 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng), gồm: Nợ gốc là 94.398.006 đồng (Chín mươi tư triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, không trăm linh sáu đồng); tiền lãi trong hạn và phí là 14.165.417 đồng (Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm mười bảy đồng); tiền lãi quá hạn là 76.392.554 đồng (Bảy mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi tư đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Phạm Đức Đ phải chịu 9.247.798 đồng (Chín triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.736.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0034097 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Đức Đ có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Phương Minh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.